

# Đẩy mạnh xuất khẩu hàng công nghệ cao của Việt Nam

ĐỖ ĐÌNH MỸ\*

## Tóm tắt

*Nghiên cứu nhằm đánh giá tình hình xuất khẩu hàng công nghệ cao (CNC) của Việt Nam trong giai đoạn 2000-2017. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, chịu sự tác động của cả 3 yếu tố gồm: Tác động cầu; Tác động cấu trúc; và Năng lực cạnh tranh. Trong các yếu tố trên, sự đóng góp chủ yếu đến từ việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm CNC, tiếp theo là sự ảnh hưởng của tác động cầu về sản phẩm.*

**Từ khóa:** xuất khẩu, hàng công nghệ cao, FDI

## Summary

*This study aims to assess the situation of Vietnam's high-tech exports over the period 2000-2017. The outcomes show that Vietnam's high-tech exports have achieved important results over the years, and been affected by demand impact, structural impact and competitiveness. Among the three above factors, competitiveness of high-tech products creates the strongest influence, followed by demand impact.*

**Keywords:** exports, high-tech products, FDI

## GIỚI THIỆU

Trong những năm qua, cùng với việc hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã có sự chuyển biến rõ rệt. Tỷ trọng hàng CNC trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh từ dưới 10% trong giai đoạn 2000-2009 lên đến trên 35% năm 2017. Cùng với đó, xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam cũng đã được mở rộng đến nhiều thị trường khác nhau, đặc biệt là những thị trường khó tính, như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... Nhờ đó, thị phần xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam trên thế giới được tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam trong thời gian qua vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, như: còn phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp FDI, tập trung vào một số ít mặt hàng, như: điện, điện tử, thiết bị viễn thông (chiếm trên 60%), thị trường xuất khẩu hàng CNC chưa được đa dạng, mà chỉ tập trung vào Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc, nhiều hàng CNC chưa có lợi thế so sánh... Điều này dẫn đến xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam thời gian qua còn nhiều rủi ro, đặc biệt là trong tình hình thương mại toàn cầu rất

nhạy cảm với cuộc chiến thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc hiện nay. Vì thế, việc nghiên cứu thực trạng xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam thời gian qua để tìm ra các giải pháp thúc đẩy là rất cần thiết.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 2000 đến 2017.

Do số liệu về xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam từ năm 2000 đến 2017 của Tổng cục Hải quan không đầy đủ, nên tác giả thu thập và tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB).

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

*Thực trạng xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam*

Trong những năm qua, xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam đã đạt được

\* Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

Ngày nhận bài: 08/12/2019; Ngày phản biện: 18/12/2019. Ngày duyệt đăng: 24/12/2019

những thành tựu nổi bật, là điểm sáng trong hoạt động xuất khẩu chung của Việt Nam. Xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam có thể chia thành 2 giai đoạn riêng biệt:

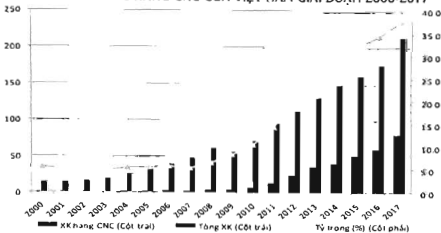
**Giai đoạn 1 bắt đầu từ năm 2000 đến 2009.** Trong giai đoạn này, kim ngạch xuất khẩu hàng CNC chiếm tỷ trọng dao động khoảng 5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu hàng CNC tăng từ 0,81 tỷ USD năm 2000 lên 4,8 tỷ USD năm 2009, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 16,5%.

**Giai đoạn 2 bắt đầu từ năm 2010 đến nay,** với giá trị xuất khẩu hàng CNC tăng mạnh. Cụ thể, tỷ trọng hàng CNC trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tăng nhanh từ 10,6% năm 2010 lên 32,4% năm 2017. Giá trị xuất khẩu hàng CNC tăng gần 10,7 lần, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 47% trong giai đoạn 2010-2017 (Hình).

Bảng 1 thống kê 15 quốc gia và vùng lãnh thổ là thị trường nhập khẩu lớn nhất của hàng CNC của Việt Nam năm 2017. Nhóm 15 quốc gia, vùng lãnh thổ này đều có giá trị nhập khẩu hàng CNC của Việt Nam đạt trên 1,3 tỷ USD. Trong đó, Trung Quốc là quốc gia nhập khẩu nhiều nhất hàng CNC của Việt Nam với 16,5 tỷ USD, cao hơn cả 2 quốc gia đứng thứ 2 và thứ 3 cộng lại là Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Trung Quốc cũng là quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng CNC bình quân đạt gần như cao nhất trong giai đoạn 2005-2017 là 53,3%. Ngoài Trung Quốc, các nước, như: Áo, Thổ Nhĩ Kỳ và Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất cũng có mức tăng trưởng nhập khẩu hàng CNC đạt bình quân trên 50% trong giai đoạn 2005-2017.

Có thể thấy sự phát triển mạnh mẽ trong xuất khẩu các sản phẩm thuộc nhóm hàng CNC của Việt Nam trong giai đoạn 2005-2017 (Bảng 2). Tuy nhiên, xuất khẩu các sản phẩm thuộc nhóm hàng CNC của Việt Nam còn tập trung vào một số sản phẩm chủ lực. Một số mã sản phẩm, như: 524, 712, 718 có giá trị xuất khẩu trong giai đoạn 2005-2017 rất thấp, chỉ dưới 15 triệu USD. Còn lại, các sản phẩm khác đều có tốc độ phát triển bình quân đạt trên 100%/năm (tăng trưởng dương) cho cả giai đoạn nghiên cứu. Một số mã sản phẩm, như: 751, 764, 774, 792, 871 có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm rất cao

HÌNH: XUẤT KHẨU HÀNG CNC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000-2017



BẢNG 1: 15 THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU HÀNG CNC LỚN NHẤT CỦA VIỆT NAM NĂM 2017

DVT: TỶ USD

STT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	2005	2010	2015	2017	TTBQ (%)
1	Trung Quốc	0,098	0,874	4,280	16,551	53,31
2	Hoa Kỳ	0,182	0,911	6,704	8,778	38,10
3	Hàn Quốc	0,051	0,183	2,471	6,209	49,14
4	Hồng Kông	0,060	0,773	4,930	5,532	45,85
5	Các tiểu VQ Ả Rập Thống nhất	0,032	0,198	4,933	4,257	50,49
6	Hà Lan	0,042	0,365	2,102	3,608	45,01
7	Áo	0,021	0,025	2,066	3,526	53,55
8	Anh Quốc	0,024	0,147	2,021	2,411	46,77
9	Đức	0,031	0,169	2,340	2,363	43,64
10	Nhật Bản	0,317	0,840	1,145	2,150	17,28
11	Malaysia	0,026	0,104	0,962	1,865	42,80
12	Thái Lan	0,286	0,274	0,941	1,796	16,53
13	Pháp	0,036	0,158	1,465	1,443	36,08
14	Thổ Nhĩ Kỳ	0,008	0,107	0,834	1,378	53,28
15	Mexico	0,014	0,061	0,808	1,376	38,08
<b>Tổng xuất khẩu CNC</b>		<b>1,787</b>	<b>7,677</b>	<b>52,552</b>	<b>81,331</b>	<b>37,46</b>

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

(trên 50%/năm) cho thấy, Việt Nam đã và đang đáp ứng được nhu cầu của thị trường nhập khẩu.

Xét về giá trị, trong các sản phẩm thuộc nhóm hàng CNC, thì chỉ có 2 mã sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD (mã 751 và 764) trong năm 2010. Đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm đã tăng có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD đã tăng lên 07 mã sản phẩm (716, 751, 752, 764, 776, 778 và 881). Hơn sau 2 năm, số sản phẩm có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD, đã tăng lên 10 mã sản phẩm (thêm 03 mã 761, 771 và 871), trong đó mã 871 có giá trị xuất khẩu tăng đột biến trong giai đoạn 2015-2017. Đáng ghi nhận hơn cả về giá trị xuất khẩu cũng như tốc độ tăng trưởng là mã sản phẩm 764 (thiết bị liên lạc viễn thông). Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu của mã sản phẩm này đạt gần 51,3 tỷ USD, tăng hơn 368 lần so với năm 2005. Đây cũng là mã sản phẩm duy nhất có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD và tăng mạnh theo thời gian trong giai đoạn 2005-2017 với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 63,6%. Mã sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 là sản phẩm

**BẢNG 2: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG CNC CỦA VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2005-2017**

DVT: Triệu USD

Mã SP	Tên gọi	2005	2010	2015	2017	PTBO (%)
524	Hóa chất vô cơ khác; hợp chất hữu cơ và vô cơ của kim loại quý	0,0	6,7	4,5	9,9	177,68
541	Sản phẩm y tế và được trừ tân dược	20,7	54,5	123,3	161,4	118,64
712	Tua bin hơi	0,0	0,4	0,3	0,1	146,82
716	Thiết bị điện chạy bằng rôto	185,1	722,6	1109,3	1185,0	116,74
718	Máy phát điện	1,0	1,3	5,9	10,7	121,35
751	Máy móc văn phòng	0,2	1635,3	2254,7	2882,3	220,01
752	Cum xử lý dữ liệu tự động	413,4	189,5	4800,0	3580,0	119,71
759	Phụ tùng máy văn phòng và máy xử lý dữ liệu tự động	479,6	346,7	768,6	895,4	105,34
761	Ti vi	69,5	44,0	763,8	2199,0	133,36
764	Thiết bị liên lạc viễn thông khác	139,2	2687,9	33068,3	51300,8	163,63
771	Thiết bị để biến đổi, điều chỉnh dòng điện	133,8	427,4	932,9	1252,5	120,49
774	Bộ máy có thể xuất cho mục đích y học, hoặc thú y và các thiết bị X-quang	0,1	6,0	95,6	116,8	180,00
776	Van nhiệt, van cắt lạnh hoặc van quang điện	241,7	488,9	4725,7	9349,0	135,61
778	Máy móc thiết bị dùng điện khác	70,3	526,7	1234,8	1925,2	131,76
792	Trang thiết bị máy bay, tàu vũ trụ	1,7	20,9	154,2	394,8	157,23
871	Dụng cụ quang học	0,2	17,4	2,1	3077,2	221,87
874	Thiết bị đo lường	11,6	86,2	351,8	481,8	136,37
881	Bộ máy chụp ảnh	18,7	414,5	2156,4	2509,5	150,44

**BẢNG 3: XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ  
2000-2017**

Nhóm sản phẩm	Tỷ trọng (%)					TTBO 2000-2017 (%)
	2000	2010	2013	2015	2017	
<b>I. Sản phẩm thô</b>	51,73	30,12	21,15	15,07	14,02	8,74
<b>II. Sản phẩm chế biến</b>	48,27	69,88	78,85	84,93	85,98	21,47
<b>1. Sản phẩm dựa vào tài nguyên</b>	6,72	8,92	8,17	7,57	6,42	17,09
- Nông nghiệp	3,30	4,81	4,50	4,45	3,71	18,23
- Khoáng sản	3,43	4,12	3,67	3,12	2,70	15,79
<b>2. Sản phẩm công nghệ thấp</b>	31,15	41,01	32,84	35,11	31,88	17,57
- Vải, quần áo, giày dép	26,58	26,96	24,25	26,39	23,45	16,55
- Sản phẩm khác	4,57	14,05	8,58	8,72	8,43	21,71
<b>3. Sản phẩm công nghệ trung bình</b>	4,60	9,23	9,94	9,65	9,79	22,75
- Ô tô	0,53	0,95	1,19	1,15	1,06	22,32
- Chế biến	1,12	2,76	3,11	2,47	2,20	22,14
- Cơ khí	2,95	5,53	5,64	6,02	6,53	23,05
<b>4. Sản phẩm CNC</b>	5,80	10,71	27,90	32,60	37,90	31,13
- Điện tử và điện	5,48	9,87	26,45	30,87	34,81	30,90
- Sản phẩm khác	0,31	0,84	1,45	1,73	3,09	34,34
<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>17,41</b>

Source: Tác giả tính toán từ cơ sở dữ liệu của WB

vạn nhân (776) với giá trị xuất khẩu đạt 9,3 tỷ USD năm 2017. Trên cơ sở các chính sách đẩy mạnh thu hút vốn FDI vào các lĩnh vực sản xuất hàng CNC, phát huy tối lợi thế cạnh tranh của đất nước trong chuỗi giá trị toàn cầu, Việt Nam sẽ có thêm các sản phẩm khác thuộc nhóm hàng CNC có giá trị xuất khẩu cao nhằm phát triển xuất khẩu hàng CNC góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Bảng 3 cho thấy, xuất khẩu sản phẩm thô giảm mạnh từ 51,73% năm 2000 xuống còn khoảng 14% tổng giá trị xuất khẩu năm 2017, ngược lại xuất khẩu

các sản phẩm chế biến tăng mạnh với tỷ trọng trong tổng giá trị xuất khẩu tăng từ 48,27% lên gần 86%. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu sản phẩm chế biến đạt 21,47% hàng năm. Đặc biệt, trong khi tỷ trọng sản phẩm dựa vào tài nguyên và sản phẩm công nghệ thấp hầu như giữ nguyên trong giai đoạn 2000-2017, thì sản phẩm công nghệ trung bình và sản phẩm CNC tăng mạnh, đặc biệt là các sản phẩm CNC.

**Đánh giá các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam**

Để đánh giá các yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam, mô hình phân tích thị phần không đổi (CMS) được sử dụng với 3 yếu tố tác động đến xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam là nhu cầu (đối với hàng CNC trên thế giới), cấu trúc xuất khẩu và cạnh tranh giữa hàng CNC của các quốc gia (Fredoun, 2006).

Mô hình CMS xác định mức độ tác động của 3 nhân tố chính này đến sự tăng (giảm) xuất khẩu hàng CNC giữa hai quốc gia có quan hệ thương mại. Mô hình phân tích thị phần không đổi được thể hiện dưới dạng cụ thể sau:

$$X_i^1 - X_i^0 = gX_i^0 + \sum_j (g_j - g) X_j^1 + \sum_j (g_j - g) X_j^0$$

Trong đó:

$X_i^1, X_i^0$ : là tổng giá trị xuất khẩu của quốc gia  $i$  tại thời kỳ 1 và 0.

$g$ : tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của thế giới từ thời kỳ 0 đến thời kỳ 1.

$g_j$ : tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của sản phẩm  $j$  của thế giới từ thời kỳ 0 đến thời kỳ 1.

$g_{ij}$ : tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của sản phẩm  $i$  của quốc gia  $i$  từ thời kỳ 0 đến thời kỳ 1.

Từ mô hình phân tích cho thấy, quyết định đến sự tăng (hoặc giảm) hay không thay đổi của tổng xuất khẩu của quốc gia  $i$  là do mức độ ảnh hưởng cụ thể của các nhân tố, như: tác động cấu về hàng CNC, tác động cấu trúc xuất khẩu hàng CNC hay năng lực cạnh tranh của hàng CNC của quốc gia  $i$  tại thị trường thế giới.

Bảng 4 cho thấy, xuất khẩu hàng CNC của Việt Nam trong giai đoạn 2002-2017 đã đạt được những kết quả quan trọng, chịu sự tác động của cả 3 yếu tố, gồm: Tác động cấu; Tác động cấu trúc; và Khả năng cạnh tranh. Trong các yếu tố trên, sự đóng góp chủ yếu đến từ việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm CNC, tiếp theo là sự ảnh hưởng của tác động cấu trúc sản phẩm.

Các mã sản phẩm CNC chủ yếu có mức tăng trưởng xuất khẩu mạnh trong thời gian vừa qua bao gồm: 764, 776, 752, 871, 881 và 751. Điều này có nghĩa là, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng CNC đối với những sản phẩm này của Việt Nam cao hơn rất nhiều so với mức trung bình tăng trưởng xuất khẩu của những sản phẩm cùng loại trên thế giới. Đây cũng là những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn trong những năm gần đây.

Như vậy, các sản phẩm CNC có sức cạnh tranh tốt trên thị trường thế giới, sức cạnh tranh của sản phẩm có xu hướng tăng lên. Trong đó, điển hình các loại và lĩnh vực (mã 764) có sự tăng mạnh về sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Điều này cho thấy, hàng CNC của Việt Nam đã dần dần đáp ứng tốt được thị hiếu của thị trường, nhất là tại thị trường châu Âu và Bắc Mỹ là 2 thị trường có quy mô nền kinh tế lớn, thu nhập bình quân đầu người cao so với các khu vực khác trên thế giới.

## GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG CNC CỦA VIỆT NAM

*Thứ nhất, phát triển thị trường, tận dụng những ưu đãi có được từ các hiệp định FTA:* Hiện nay, Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết 16 FTA, trong đó có 12 FTA đã ký kết và đi vào hiệu lực. Do vậy, các tổ chức, cơ quan liên quan của Chính phủ cần tổ chức hiệu quả, đồng bộ hoạt động thông tin, dự báo tình hình thị trường hàng CNC trên thế giới, cũng như nâng cao hiểu biết về luật pháp, chính sách của các thị trường nhập khẩu để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, thâm nhập thị trường thế giới hiệu quả hơn.

*Thứ hai, hoàn thiện chính sách thu hút vốn đầu tư vào sản xuất hàng CNC:* Rà soát, hoàn thiện các chính sách về thu hút đầu tư nhằm thu hút mạnh đầu tư trong nước và ngoài nước vào lĩnh vực sản xuất hàng CNC, đặc biệt là các sản phẩm CNC

BẢNG 4: NĂNG LỰC CẠNH TRANH TRONG XUẤT KHẨU HÀNG CNC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2002-2017

Mã SP	Tăng/giảm xuất khẩu (triệu USD)	Tác động cấu (triệu USD)	Tác động cấu (triệu USD)	Khả năng cạnh tranh (triệu USD)
524	9,7	0,3	-0,3	9,7
541	151,1	17,5	5,8	127,7
712	0,1	0,0	0,0	0,1
716	1118,5	113,2	5,1	1000,2
718	10,5	0,2	0,0	10,4
751	2881,9	0,7	-0,5	2881,8
752	3561,9	30,8	-10,7	3541,8
759	585,4	527,8	-82,3	139,9
761	2141,7	97,5	-48,1	2092,3
764	51200,6	170,7	-28,1	51058,0
771	1209,6	73,1	22,4	1114,1
774	115,6	2,0	-0,2	113,9
776	9332,6	27,8	9,3	9295,6
778	1869,2	95,3	20,3	1753,5
792	391,3	5,9	-2,9	388,3
871	3077,1	0,2	0,9	3076,0
874	468,9	21,9	1,9	445,1
881	2492,9	28,3	-32,8	2497,4

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của WB

còn có giá trị xuất khẩu thấp. Đồng thời, có chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng của sản phẩm CNC, từ đó giảm phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu.

*Thứ ba, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát huy lợi thế so sánh của hàng CNC:* Trong nền kinh tế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng năng suất lao động kém, chất lượng các sản phẩm CNC kém sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc xuất khẩu mặt hàng này. Do vậy, trong thời gian tới cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, quy trình quản lý hiệu quả; Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường đầu tư các loại máy móc thiết bị, công nghệ mới, thiết bị hiện đại, đồng bộ.

*Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D):* Cần tăng cường chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển cho các ngành công nghệ tiên tiến. Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa các bên: doanh nghiệp, Chính phủ và các viện nghiên cứu trong việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm, hình thành các viện nghiên cứu chuyên sâu đối với từng lĩnh vực cụ thể; có chính sách thu hút những nhà khoa học có trình độ cao tham gia nghiên cứu và có chế độ đãi ngộ xứng đáng với nguồn nhân lực chất lượng cao. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fredoun Z.A. (2006). Constant Market Shares Analysis: Uses, Limitations and Prospects, *Australian Journal of Agricultural and Resource Economics*, 50(4), 510-526
2. Lall, S. (2000). The Technological Structure and Performance of Developing Country Manufactured Exports, 1985-98, *Oxford Development Studies*, 28(3), 337-369
3. World Bank (2019). *World Bank Integrated Trade Solution (WITS)*. access to <http://wits.worldbank.org/WITS/>